

Bản án số: 37/2018/DS-PT

Ngày 18-10-2018

“*V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán:

Ông Đỗ Văn Hiên

Ông Nguyễn Văn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Thanh Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thân Thị T; địa chỉ: Lô 2, đường H, tổ 10, phường I, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Cai Thị L; địa chỉ: đường H, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Anh Trần Đăng M; địa chỉ: đường P, tổ 6, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn là chị Thân Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Thân Thị T trình bày:

Ngày 10-2-2017, chị cho chị Cai Thị L vay 40.000.000 đồng với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận, thời hạn trả nợ là ngày 12-2-2017 âm lịch (ngày 19-3-2017 dương lịch). Chị L có viết giấy vay tiền. Đến hạn trả nợ, chị L không trả nợ. Chị đã yêu cầu nhiều lần, nhưng chị L mới trả 10.000.000 đồng nợ gốc và không trả lãi.

Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị L phải trả cho chị 30.000.000 đồng nợ gốc và 4.000.000 đồng nợ lãi, tổng cộng là 34.000.000 đồng.

Chị L khai ngoài việc chuyển trả vào tài khoản của chị 10.000.000 đồng, chị L còn trả 30.000.000 đồng cho chị thông qua bà N và anh Trần Đăng M là không đúng, vì chị không biết và không nhận được tiền từ hai người này.

Bị đơn là chị Cai Thị L trình bày:

Ngày 10-2-2017, chị có vay của chị Thân Thị T 40.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận. Chị đã trả nợ gốc cho chị T trong 3 lần:

Lần thứ nhất: Ngày 27-3-2017, chị chuyển trả vào tài khoản của chị T 10.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Tháng 3 năm 2017 (chị không nhớ rõ ngày), chị nhờ bà N, là bạn của chị trả cho chị T 10.000.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 4-5-2017, chị T thuê anh Trần Đăng M đến nhà chị lấy 20.000.000 đồng. Khi nhận tiền, anh M có viết giấy nhận tiền.

Như vậy, chị đã trả hết nợ, nhưng vì tin tưởng chị T, nên chị không lấy lại bản gốc của giấy vay tiền. Do đó, chị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị T.

Buộc chị Cai Thị L có nghĩa vụ trả cho chị Thân Thị T 10.000.000 đồng nợ gốc và 1.347.221 đồng nợ lãi, tổng cộng là 11.347.221 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyết định về nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25-6-2018, nguyên đơn là chị Thân Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Chị cho chị L vay 40.000.000 đồng, chị L mới trả 10.000.000 đồng, nên chị L còn phải trả cho chị 30.000.000 đồng và tiền lãi. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chị L đã trả nợ thông qua anh M là không đúng, vì chị và anh M không liên quan gì trong việc chị L vay tiền của chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

- Chị Thân Thị T không rút đơn khởi kiện và trình bày: Chị không biết người có tên là Ngọc, nên chị không nhận tiền của người này. Chị có nhiều người bạn tên là Minh, nhưng không biết người có tên Trần Đăng M mà chị L khai có phải là bạn của chị hay không và chị cũng chưa bao giờ thuê ai đòi nợ. Chị giữ nguyên kháng cáo của mình.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị L phải trả khoản nợ gốc là 30.000.000 đồng và khoản nợ lãi là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn trình bày rằng, ngày 10-2-2017, chị L vay của nguyên đơn 40.000.000 đồng với lãi suất do

các bên thoả thuận và với thời hạn vay là đến 12-2-2017 âm lịch, tức ngày 19-3-2017 dương lịch; sau ngày vay khoảng 1 tháng, chị L chuyển trả 10.000.000 đồng qua tài khoản của nguyên đơn; đến hạn, chị L không trả cho nguyên đơn số nợ gốc còn lại là 30.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn giao nộp chứng cứ là văn bản có tiêu đề *giấy mượn tiền*, có nội dung thể hiện ngày 10-2-2017, chị L vay chị T 40.000.000 đồng với lãi suất do các bên thoả thuận và với thời hạn vay là đến 12-2-2017 âm lịch, tức ngày 19-3-2017 dương lịch.

Bị đơn thừa nhận đã vay 40.000.000 đồng vào ngày 10-2-2017 như lời khai của chị T.

Vì vậy, có căn cứ để xác định, chị L vay chị T 40.000.000 đồng vào ngày 10-2-2017.

Do các đương sự đều thừa nhận chị L đã chuyển trả 10.000.000 đồng qua tài khoản của nguyên đơn, nên tranh chấp của vụ án là 30.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc mà nguyên đơn khởi kiện.

[2] Tại Bản khai ngày 12-9-2017, chị L trình bày: Về vấn đề nợ của chị T, chồng chị là Nguyễn Quang K có trả số tiền là 20.000.000 đồng, chị trả qua tài khoản 10.000.000 đồng và gửi cho chị N bán cà phê ở đường Đinh Tiên Hoàng là 10.000.000 đồng. Do đó, chị đã trả nợ xong (*bút lục số 20*).

Tại Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản hòa giải ngày 12-9-2017, chị L trình bày: Ngày 10-2-2017, chị có vay của chị T 40.000.000 đồng với lãi suất do 2 bên thoả thuận. Sau khi vay, chị đã trả cho chị T 3 lần. Cụ thể, ngày 27-3-2017, chị chuyển khoản cho chị T 10.000.000 đồng; tháng 3 năm 2017, chị nhờ chị N trả cho chị T 10.000.000 đồng, nhưng do tin tưởng nên chị không lấy lại giấy nợ gốc; ngày 4-5-2017, chị T cho người đến lấy 20.000.000 đồng do anh Trần Đăng M viết giấy xác nhận (*bút lục số 26, 27 và 28*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị L trình bày rằng: Chị đã trả số nợ còn lại là 30.000.000 đồng trong 2 lần. Lần thứ nhất, chị đã nhờ một người bạn của mình tên là Ngọc trả 10.000.000 đồng cho chị T vào tháng 3 năm 2017 và chị có nhìn thấy chị N đưa 10.000.000 đồng này cho chị T, nhưng vì lúc đó chị bận, nên đã không đi đến để yêu cầu chị T viết giấy biên nhận; chị cũng không biết họ tên, địa chỉ của chị N và chị N đã bỏ đi khỏi địa phương. Lần thứ hai, vào ngày 4-5-2017, anh Trần Đăng M đến nhà chị và nói chị T thuê anh đòi nợ; chị không biết anh M, chị T không nói là thuê anh M đòi nợ và chị cũng không gọi điện thoại cho chị T để hỏi có phải chị T thuê anh M đòi nợ hay không, nhưng vì sợ anh M nên chị đã đưa cho anh M 20.000.000 đồng và anh M có viết giấy nhận tiền (*Bút lục từ số 75 đến 78a, 78b và 78*).

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị T trình bày rằng: Chị không nhận tiền từ chị N và không biết người có tên là Trần Đăng M, nên không chấp nhận lời khai của chị L (*Biên bản phiên tòa sơ thẩm, bút lục từ số 75 đến 78a, 78b và 78*).

Với các tình tiết như trên thì Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận lời khai của chị L về việc chị nhờ một người tên là Ngọc trả cho chị T 10.000.000 đồng, là có căn cứ.

Tuy nhiên, có sự mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự, mâu thuẫn trong lời khai của bị đơn về khoản tiền 20.000.000 đồng mà chị L cho rằng chị đã trả.

Trường hợp này, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải lấy lời khai của anh Nguyễn Quang K để làm rõ người này có trả 20.000.000 đồng hay không, trả theo phương thức như thế nào, ai là người nhận tiền; lấy lời khai của người có tên là Trần Đăng M và tiến hành đối chất giữa các đương sự với nhau, giữa đương sự với người làm chứng, giữa người làm chứng với nhau để làm rõ các vấn đề mà chị L đã khai. Sau đó, tùy thuộc vào kết quả thu thập chứng cứ để xác định anh Nguyễn Quang K và người có tên Trần Đăng M là người làm chứng hay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục này là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định người có tên Trần Đăng M là người làm chứng và người này không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tuy xác định người có tên Trần Đăng M là người làm chứng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành lấy lời khai của người này theo quy định tại khoản 1 Điều 99 của Bộ luật tố tụng dân sự, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại hồ sơ vụ án có tài liệu là “Bản tự khai” đề ngày 31-5-2018, có chữ ký ghi tên Trần Đăng M (*bút lục số 68*) và tài liệu là bản gốc của “Giấy nhận tiền” đề ngày 4-5-2017 (*bút lục số 70*), nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm lập biên bản giao nộp tài liệu, chứng cứ là trái với quy định tại Điều 96 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên không thể xác định được người nào đã giao nộp 2 tài liệu này. Tòa án cấp sơ thẩm cũng không công bố, không thông báo và không tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ đối với “Bản tự khai” và bản gốc của “Giấy nhận tiền” nêu trên theo quy định tại các Điều 109, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Bản tự khai” đề ngày 31-5-2018 (*bút lục số 68*) và bản gốc của “Giấy nhận tiền” đề ngày 4-5-2017 (*bút lục số 70*) là chứng cứ trong vụ án, là trái với quy định tại Điều 93 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự việc này dẫn đến tại bản án sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định: “Tuy nhiên, ngày 31-3-2018, anh M có bản tự khai trình bày “...Tôi thừa nhận tôi có nhận của bà L số tiền 20.000.000 đồng, số tiền này tôi chưa đưa lại cho bà T... Khi đi đòi nợ bà T, bà T có đưa cho tôi 1 giấy vay photo...Tôi khẳng định, giữa tôi và bà T có quen biết khoảng 2 năm nay, bà T thường xuyên nhờ tôi đi lấy nợ cho bà T vì bà T có cho nhiều người vay tiền, bà T nói không biết tôi là không đúng...số tiền 20.000.000 đồng tôi đã lấy từ bà L, tôi sẽ trả cho bà T”. Từ chứng cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bà L đã trả cho chị T số tiền 20.000.000 đồng là có thật. Việc chị T cho rằng không quen biết anh M là không đúng. Nếu chị T không quen biết anh M và không đưa giấy vay tiền (bản photo) giữa chị T và bà L để nhờ anh M đi đòi nợ thì anh M không có căn cứ để đi đòi nợ bà L. Do đó không chấp nhận yêu cầu của chị T yêu cầu bà L trả số tiền 20.000.000 đồng. Chị T có quyền khởi kiện yêu cầu anh Trần Đăng M trả lại cho

chị số tiền mà anh M đã lấy từ bà L” và quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị T, là chưa có căn cứ.

[4] Do Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng tố tụng ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của đương sự, việc thu thập chứng cứ và chứng minh không theo đúng quy định tại Chương VII của Bộ luật tố tụng dân sự và chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[5] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2018/DS-ST ngày 15 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã xét xử tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa nguyên đơn là chị Thân Thị T với bị đơn là chị Cai Thị L.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Thân Thị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả cho chị Thân Thị T 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003776 ngày 26-6-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, TDS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Tiến Dũng